

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HSPT
Ngày: 29-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến
Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 41/2022/TLPT - HS, ngày 24/5/2022, đối với bị cáo Nguyễn Văn Bé S do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Bé S và người đại diện cho bị hại Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Văn B, Ông Nguyễn Văn E, Ông Nguyễn Văn M, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2022/HS – ST, ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Trà Vinh.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: **Nguyễn Văn Bé S**, sinh năm 1977 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có vợ và 01 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (đã chết)

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn D có kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1988; (có mặt)

3. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1987; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1985. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.
Chỗ ở hiện nay: Khu phố L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Dương.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1979. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.
- *Người làm chứng:*
1. Ông Dương Hoàng K, sinh năm 1983; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 2. Ông Trần Văn V, sinh năm 1966; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.
 3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1941; (có đơn giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện K, tỉnh Trà Vinh.
 4. Ông Phan Văn H, sinh năm 1975; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 5. Ông Trương Văn V, sinh năm 1970; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 6. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1996; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 7. Ông Nguyễn Văn Z, sinh năm 1966; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 8. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1971; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 9. Ông Phạm Đình Q, sinh năm 1971; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 10. Anh Phạm Vũ Y, sinh năm 1994; (vắng mặt)
 11. Anh Phạm Tam S, sinh năm 2001; (vắng mặt)
 12. Anh Phạm Tiểu X, sinh năm 1995; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 13. Bà Lê Thị A, sinh năm 1956; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 14. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 15. Bà Nguyễn Thị Cẩm U, sinh năm 1979; (có đơn giải quyết vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.
 16. Ông Châu Thanh Ch, sinh năm 1984; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 17. Ông Tôn Văn N, sinh năm 1986; (có đơn giải quyết vắng mặt)
 18. Ông Lê Vũ R, sinh năm 1970; (có đơn giải quyết vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/10/2018, bị cáo Nguyễn Văn Bé S một mình điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 đi đến nhà ông Nguyễn Văn O ngụ cùng ấp để dự đám tang. Khi đến đám tang, bị cáo phụ tiếp khách và có nhìn thấy bị hại Nguyễn Văn D chơi đánh bài tại nhà của ông Nguyễn Văn Kh kế bên đám tang. Sau đó, bị cáo ngồi uống rượu với một số người khác khoảng 1,5 xị rượu thì nghỉ. Đến khoảng 00 giờ ngày 16/10/2018, bị cáo đi từ đám tang

ra lộ nhựa để lấy xe điều khiển về nhà ngủ. Khi đi ra đến cặp lề lộ nhựa, bị cáo xảy ra mâu thuẫn cãi nhau với anh Châu Thanh Ch thì được anh Phan Văn H can ngăn nên không xảy ra đánh nhau. Lúc này, bị cáo đã say rượu nên không nhớ rõ nguyên nhân vì sao xảy ra mâu thuẫn với anh Ch. Sau đó, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 lưu thông trên Đường tỉnh 915 hướng từ xã G về xã N để về nhà, do đã có uống nhiều rượu nên bị cáo điều khiển xe chạy loạng choạng trên đường nhưng không bị té ngã trên lộ. Khi bị cáo điều khiển xe ra khỏi nhà ông Nguyễn Văn O khoảng 200 mét thì đến đoạn đường thẳng không có vật gì che khuất tầm nhìn, bị cáo có cảm giác buồn ngủ nhưng không dừng xe lại mà vẫn tiếp tục điều khiển xe đi về nhà. Đến đoạn lộ nhựa bị hư hỏng làm xe xóc, lắc mạnh nên bị cáo giật mình, nhìn về phía trước thì thấy có một người đàn ông đang nằm ngang trên lộ, mặc áo màu trắng đang nằm ngửa trên phần đường bên phải theo hướng đi, đầu người này hướng ra tâm lộ (gần vạch kẻ đường màu trắng) chân hướng vào lề phải, cách xe bị cáo đang điều khiển khoảng 03 đến 04 mét, do khoảng cách quá gần nên bị cáo không kịp phanh xe giảm tốc độ mà theo phản xạ bị cáo lắc mạnh tay lái hướng sang lề trái theo hướng đi để tránh, do chuyển hướng đột ngột nên xe chao đảo mạnh, bị cáo lắc mạnh tay lái về hướng bên phải để giữ thăng bằng thì lúc này chỉ tránh được bánh xe trước, còn phần lốc máy và bánh xe sau đã va chạm vào vùng đầu người đàn ông đang nằm. Bị cáo biết được là do xe chạy có cảm giác bị vướng ở phần lốc máy, bánh xe sau bị tâng lên rồi xe chao đảo mạnh, bị cáo giữ chặt tay lái điều khiển xe đi tiếp một đoạn khoảng 03 mét thì giữ được thăng bằng, bị cáo không có quay lại kiểm tra thương tích, cứu giúp người bị hại mà tiếp tục điều khiển xe về nhà ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 16/10/2018, bị cáo thức dậy thì được vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm L cho biết ông Nguyễn Văn D đi đám tang ở nhà ông Nguyễn Văn O về bị chết trên lộ nhựa. Bị cáo nghe vậy nên nhớ lại việc mình điều khiển xe va chạm vào người đàn ông nằm ngang lộ. Sau đó vài ngày, bị cáo đi lại khu vực hiện trường nơi phát hiện ông Nguyễn Văn D tử vong và xác định vị trí ông D tử vong trùng với vị trí mà bị cáo đã phát hiện người đàn ông nằm ngang lộ mà bị cáo đã điều khiển xe va chạm vào phần đầu của người này. Khi đó, bị cáo xác định mình đã điều khiển xe mô tô va chạm với ông D làm ông D tử vong. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, con của bị cáo còn nhỏ và bị cáo cho rằng nếu đi trình diện với công an về hành vi vi phạm thì sẽ bị giữ xe, bị phạt tù sẽ ảnh hưởng đến gia đình. Đồng thời, bị cáo nghĩ sự việc xảy ra vào đêm khuya, vắng người nên có khả năng không có người hay biết nên bị cáo không trình báo sự việc đến cơ quan Công an và cũng không có nói cho ai biết.

Đến ngày 20/11/2018, ông Nguyễn Văn M là con ruột ông Nguyễn Văn D đến nhà tìm bị cáo và nói với vợ bị cáo là bị cáo có liên quan đến cái chết của ông D nên bị cáo nghĩ rằng việc mình điều khiển xe cán chết ông D trước sau gì cũng bị phát hiện và sợ bị những người con của ông D trả thù nên khoảng 19 giờ cùng ngày bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tự thú và tự nguyện giao nộp xe mô tô biển số 84F9 - 6623 mà bị cáo cho rằng mình đã điều khiển xe mô tô này va chạm với ông D, nhưng qua quá trình điều tra xác định vào ngày 16/10/2018 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 chứ không

phải xe mô tô biển số 84F9 – 6623, bị cáo đã thừa nhận điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 va chạm với ông D và bị cáo đã giao nộp xe mô tô này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 321/KLGD(PY) ngày 18/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh đã xác định nguyên nhân chính dẫn đến Nguyễn Văn D tử vong là chấn thương sọ não nặng.

Qua công tác khám nghiệm hiện trường xác định: Đoạn đường phát hiện nạn nhân Nguyễn Văn D là đoạn đường thẳng, được trải nhựa phẳng, mặt đường rộng 5,1 mét, đường 02 chiều, có vạch sơn màu trắng không liên tục chia mặt đường thành 02 phần đường. Nạn nhân nằm trong tư thế ngửa, đầu hướng ra tâm lộ cách lề phải là 1,6 mét (hướng từ xã G về xã N), chân hướng vào lề phải, 02 chân duỗi tự nhiên vẫn còn mang đôi dép nhựa màu đen, 02 tay vòng hai bên hướng lên đầu, trên vùng đầu có nhiều vết thương hở, vết máu trên mặt đường ngay vị trí đầu nạn nhân là dạng nhỏ giọt thành vũng và loang tự nhiên, không phát hiện các dạng khác của vết máu, trong túi áo có một gói thuốc lá đã sử dụng, kiểm tra trên người có số tiền là 945.000 đồng, 03 tờ vé số và 01 điện thoại di động. Ngoài ra, không phát hiện, thu lượm được dấu vết, đồ vật gì khác. Kiểm tra mở rộng xung quanh hiện trường thì không phát hiện dấu vết nghi vấn.

Ngày 18/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K phối hợp với PC02, PC08, PC09 Công an tỉnh Trà Vinh và VKSND huyện K tiến hành kiểm tra hiện trường. Bị cáo tự xác định vị trí phát hiện nạn nhân Nguyễn Văn D và điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 diễn lại tình huống xảy ra tai nạn. Kết quả, bị cáo S thực hiện được tình huống điều khiển xe mô tô né tránh được bánh trước còn bánh sau xe cán qua phần đầu nạn nhân phù hợp với cơ chế hình thành thương tích trên vùng đầu nạn nhân D.

Ngày 06/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra Quyết định trưng cầu Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an (C09B) giám định cơ chế hình thành thương tích trên người nạn nhân Nguyễn Văn D và xác định xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 nhãn hiệu HONDA BLADE có thể tạo ra thương tích cho nạn nhân D hay không. Ngày 22/5/2019, Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an (C09B) ra Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 2364/C09B xác định: *“Các thương tích trên vùng đầu nạn nhân Nguyễn Văn D do vật tày tác động với lực mạnh gây ra hướng từ phải sang trái; Không đủ cơ sở kết luận bộ phận nào trên xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 nhãn hiệu HONDA BLADE có thể tạo ra thương tích cho nạn nhân Nguyễn Văn D”*.

Ngày 23/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K phối hợp PC01, PC02, PC08, PC09 Công an tỉnh Trà Vinh, Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an (C09B) và VKSND huyện K, VKSND tỉnh Trà Vinh tiến hành dựng lại hiện trường. Ngày 31/10/2019, Phân viện KHHS - Bộ Công an ra Công văn số 411/CV/C09B xác định: *“Các dấu vết thương tích trên người nạn nhân Nguyễn Văn D có đặc điểm phù hợp với hiện trường tai nạn giao thông; tình huống di chuyển của xe mô tô hướng từ xã G đi xã N khi va chạm với nạn nhân tạo nên được các thương tích trên người nạn nhân Nguyễn Văn D”*.

Ngày 13/8/2020, Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra. Qua đó, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 để diễn lại diễn biến tai nạn thì không phù hợp với lời khai. Cụ thể diễn ra 02 tình huống: Thứ nhất xe mô tô tránh được hoàn toàn, cả 02 bánh xe không va chạm với nạn nhân; Thứ hai cả hai bánh xe đều cán lên phần đầu nạn nhân. Quá trình làm việc, bị cáo cho biết trong quá trình thực nghiệm có mặt của người nhà ông D và họ có hành động quay phim, chụp hình, lớn tiếng chỉ trích nên bị cáo bị áp lực về tâm lý dẫn đến việc điều khiển xe có ý thức chủ động để né tránh, chuyển hướng nhẹ nhàng hơn thời điểm xảy ra tai nạn vì vậy không thực hiện được đúng như diễn biến lúc xảy ra tai nạn. Bị cáo khẳng định việc mình điều khiển xe tránh được bánh trước, còn phần lóc máy và bánh sau xe cán lên đầu nạn nhân là đúng với diễn biến vào thời điểm xảy ra tai nạn.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, kiểm tra phương tiện, kiểm tra hiện trường, dựng lại hiện trường, thực nghiệm điều tra như trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K xác định lời trình bày của bị cáo là có căn cứ, phù hợp với hiện trường, thương tích nạn nhân và những tình tiết khác có liên quan đến vụ án nên xác định bị cáo đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 tham gia giao thông không chú ý quan sát dẫn đến tai nạn, hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 5 Điều 4, khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ và điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ (nay là điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ) là nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn. Sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm, hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm c khoản 7 Điều 6 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ (nay là điểm đ khoản 8 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ). Đối với bị hại Nguyễn Văn D đã có hành vi nằm trên phần đường xe chạy gây cản trở giao thông. Hành vi của ông D đã vi phạm điểm i khoản 2 Điều 35 Luật Giao thông đường bộ quy định về “*hành vi khác gây cản trở giao thông*”.

Quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn D là ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn E và ông Nguyễn Văn M cho rằng nguyên nhân tử vong của ông D là do bị cáo giết chứ không phải là do tai nạn giao thông và cung cấp thông tin về việc nghi vấn ông D bị giết. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh về thông tin trên và căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, quá trình kiểm tra, dựng lại hiện trường, lời khai của người làm chứng cùng những tài liệu thu thập được xác định thông tin về việc ông D bị người khác giết là hoàn toàn không có căn cứ.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ gồm có:

- 01 (một) xe mô tô biển số 59V2 - 411.36 là phương tiện bị cáo điều khiển gây tai nạn;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 079957, tên chủ xe Nguyễn Thị Cẩm L;
- 01 (một) áo thun màu xanh, ngắn tay, cổ tròn đã qua sử dụng, có 01 vết rách kích thước 01 x 03cm phía sau lưng cách viền cổ 08cm;

- 01 (một) quần dài Jean màu xanh đã qua sử dụng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2022/HS – ST, ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Trà Vinh đã xét xử

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Bé S phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bé S 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn E ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn E được quyền khởi kiện bị cáo Nguyễn Văn Bé S một vụ án dân sự khác để yêu cầu bồi thường thiệt hại khi có yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và dành quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/3/2022 người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo về trách nhiệm hình sự không đồng ý với án sơ thẩm tuyên bị cáo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ mà cho rằng bị cáo có hành vi giết người và trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần 100.000.000đ, mai táng phí 25.000.000đ, tiền tổ chức đãi khách 175.000.000đ, cấp dưỡng cho cháu nội ông D là cháu Nguyễn Thị Kiều H mỗi tháng 5.000.000đ.

Ngày 29/3/2022 bị cáo Nguyễn Văn Bé S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo khai và thừa nhận bản án sơ thẩm mô tả và quy kết bị cáo phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không kháng cáo về tội danh và không kêu oan chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, người đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay người đại diện của bị hại cung cấp các bức ảnh liên quan đến thương tích của ông Nguyễn Văn D đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Kiểm sát viên cho rằng việc Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K xét xử bị cáo Nguyễn Văn Bé S phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đảm bảo tính khách quan, phù hợp với tài liệu, chứng cứ của vụ án, đúng người, đúng tội đúng pháp luật, tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay những người đại diện

hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ quan trọng nào chứng minh bị cáo phạm tội giết người như kháng cáo đã nêu.

Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự: Tại tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình xét xử do người đại diện hợp pháp của bị hại chưa cung cấp đầy đủ tài liệu giấy tờ có liên quan để chứng minh thiệt hại để đảm bảo quyền lợi cho những người đại diện bị hại nên cấp sơ thẩm không giải quyết trong cùng vụ án mà tách ra dành quyền khởi kiện sau là có căn cứ do cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Bé S nhận thấy cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ như thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tự thú, khắc phục hậu quả, bị hại cũng có lỗi theo điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa này bị cáo cũng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Bé S và người đại diện hợp pháp của bị hại. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn D là ông Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B trong phần tranh luận trình bày: Về thương tích để lại trên vùng đầu của ông Nguyễn Văn D là không phù hợp với hiện trường của vụ tai nạn giao thông mà đây là hiện trường của một vụ án giết người xảy ra ở nơi khác và đây là hiện trường thứ hai, những thương tích trên vùng đầu của ông D tại hiện trường vụ án không có vết chà xác và không có vết xe của bị cáo để lại trên vùng đầu của ông Nguyễn Văn D. Vì vậy không có căn cứ để xác định rằng bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” mà có cơ sở xác định rằng bị cáo phạm tội “giết người”. Mong Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Bé S và người đại diện cho bị hại ông Nguyễn Văn D còn trong thời hạn luật quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn E, ông Nguyễn Văn M cho rằng bị cáo Nguyễn Văn Bé S không phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” mà có hành vi cố ý giết người. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2018 (bút lục 272-273) thì ông Nguyễn Văn T là em ruột của bị hại Nguyễn Văn D khai ông và ông D cùng đi đám tang nhà ông Nguyễn Văn O, khoảng 00 giờ ngày 16/10/2018 thì ông D ra về trước, khoảng 04, 05 phút sau ông nghe có cựa cử ngoài lộ nhựa theo hướng ông D đi về nên ông có đi về theo, đi khoảng 200 mét thì ông phát hiện hai người thanh niên đánh ông D nên ông la lên “Tụi mày làm gì đánh anh hai tao”, thì một người to con bỏ chạy vô đường mòn phía trái quán Năm Lê, ông rượt vô khoảng 200 mét, còn một thanh niên nhỏ con ngoài lộ nhựa cũng bỏ chạy vô đường mòn phía bên trái hướng xã N đi xã G. Ông rượt người lớn con một đoạn rồi trở ra lộ nhựa thì thấy ông D đã chết, lúc đó không có ai, khu vực ông D bị đánh không có đèn đường, trời tối, vị trí ông phát hiện ông D bị đánh cách vị trí của ông khoảng 20 mét. Như vậy theo lời khai này của ông Z thì ông là người trực tiếp chứng kiến có người khác đánh bị hại Nguyễn Văn D tử vong. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn Z lại khai khoảng 00 giờ ngày 16/10/2018 thì ông D ra về trước, khoảng 15 đến 20 phút sau thì do ông mệt quá, nhậu không nổi nữa nên ông mới đi bộ về nhà, đi được một đoạn thì ông thấy có một người thanh niên cao to và một người thanh niên thấp nhỏ, ông đi tiếp một đoạn nữa thì nghe có người nói là ông Nguyễn Văn D chết, lúc đó ông cũng không có đến hiện trường nơi ông D chết, ngoài ra ông không nhớ gì thêm nữa.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2018 (bút lục 280-281) thì người làm chứng ông Nguyễn Văn Kh (là người dự đám tang chung với ông Z) khai khi ông đi đám tang nhà ông O thì ông có gặp ba anh em của ông Z gồm ông D, ông C và ông Z đi đám tang chung. Khi có người đến đám tang báo tin là có người chết ngoài đường thì ông có chạy lại hiện trường xem, lúc đó ông C và ông Z không có đi đến hiện trường mà tiếp tục ở lại đám tang để đánh bài. Khi ông Kh đến hiện trường thì phát hiện ông D chết nên quay lại đám tang cho ông Z biết nhưng ông Z không tin mà tiếp tục ngồi nhậu và đánh bài tiếp, cho đến khi con rể của ông Z (ông không biết tên) chạy lại nói với ông Z “Trời ơi Bác 2 chết mà không chịu về nữa” thì lúc đó ông T mới tin chạy về.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2018 (bút lục 276-277) thì người làm chứng ông Nguyễn Văn H (con ông Nguyễn Văn O, chủ nhà có đám tang) khai, khi hay tin ông Nguyễn Văn D chết thì em ông Nguyễn Văn D là ông Nguyễn Văn Z và ông Nguyễn Văn C còn ở đám tang.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/02/2021 (bút lục 329a) và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn Tr là Công an viên phụ trách ấp T, xã N khai, sau khi nhận được tin báo phát hiện ông Nguyễn Văn D tử vong thì ông có trực tiếp đến hiện trường để bảo vệ hiện trường, lúc đó có một số người dân xung quanh đến xem nhưng không có mặt em ruột ông D là ông Nguyễn Văn Z. Khoảng một giờ sau khi phát hiện ông D tử vong, khi Công an huyện đã có mặt tại hiện trường thì ông Z mới đi từ đám tang tới, lúc đó ông Z đã say rượu, tinh thần không còn minh mẫn. Quá trình sống ở địa phương ông Z có biểu hiện nghiện rượu, tinh thần không minh mẫn, khả năng tiếp xúc kém, lời khai không nhất quán, không có căn cứ để tin cậy.

Xét lời khai của ông Nguyễn Văn Z cho rằng ông là người trực tiếp đến hiện trường và chứng kiến có người đánh chết ông D nhưng căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Tr và lời khai của ông Nguyễn Văn Z tại phiên sơ thẩm thì khi phát hiện ông Nguyễn Văn D tử vong ông Nguyễn Văn T hoàn toàn không có mặt tại hiện trường, ông Nguyễn Văn Z cũng không có thấy người nào khác đánh ông Nguyễn Văn D tử vong, từ đó khẳng định lời khai của ông Z không có căn cứ để chấp nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2018 là không có căn cứ.

[3] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2018 (bút lục 228-229) thì người làm chứng ông Tôn Văn N khai, ông Lê Vũ R là anh rể của ông, nhà ông R cách nhà ông khoảng 3, 4 mét, khoảng 21 giờ ngày 27/10/2018 âm lịch (ngày đám giỗ bà nội ông) ông thấy hai người con của ông Q đến nhà ông R để rước ông Q về. Ông có nghe một trong hai người con của ông Q nói “Con ông D đang rình nhà nó vì ông Q có nói là lỡ tay giết chết ông D và mỗi khi nhậu say về thì ông Q đều nói như vậy”, vì vậy con ông Q đưa ông Q đi tránh mặt vài ngày. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Tôn Văn N khai vào ngày 27/10/2018 âm lịch tại nhà ông Lê Vũ R ông không có nghe bất cứ ai nói về cái chết của ông Nguyễn Văn D.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Đình Q, ông Lê Vũ R và anh Phạm Tiểu X (con ông Q, là người đến rước ông Q) đều thống nhất khai là vào tối ngày 27/10/2018 âm lịch tại nhà ông Lê Vũ R thì không có bất cứ người nào nói “Con ông D đang rình nhà nó vì ông Q có nói là lỡ tay giết chết ông D và mỗi khi nhậu say về thì ông Q đều nói như vậy” như lời trình bày của ông N. Vì vậy lời khai của ông Tôn Văn N tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2018 là không có căn cứ.

Bà Lê Thị A khai tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021 (bút lục 314-317) cách ngày 07/01/2021 khoảng 02, 03 tháng ông Nguyễn Văn M (con ông D) có đến nhà bà quỳ và năn nỉ bà nói cho ông M biết người giết ông D và nhờ bà ra làm chứng nhưng bà nói với ông M là bà không biết gì về việc ông D tử vong. Lúc đó ông M có nói với bà “Cô U nói với tôi là biết người giết cha của M” nhưng bà nói là cô U không có nói với bà như vậy và nói với M là cô U nói trong lúc đánh bài có nghe cự cãi, khi cô U ra xem thì những người đánh bài đã bỏ đi mất. Sau đó ông M bỏ về. Khoảng 15 ngày sau ông M đến nhà bà và nói cô U nói với bà là cháu cô U giết cha của M mà sao bà không nói, bà mới nói với ông M là cô U không có nói với bà như vậy và việc ông D tử vong bà không biết gì hết. Ông M mới yêu cầu bà phải ký đơn xác nhận là ông D bị tai nạn giao thông hoặc là bị người khác giết nhưng bà không đồng ý vì bà không biết nguyên nhân ông D tử vong. Lúc đó ông M nói “bà biết tôi từng ở tù ra không”, “bà biết tôi rình nhà bà mấy đêm rồi không” lúc đó bà không nói gì thêm, rồi ông M bỏ về.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020 (bút lục 324-327) bà Nguyễn Thị Cẩm U khai, bà có mối quan hệ bà con với ông D, bà kêu ông D bằng anh. Sau khi ông D chết khoảng 01, 02 tháng thì ông M có đến gặp bà hai lần để hỏi bà có biết ai giết ông D không thì bà trả lời “Tao không có biết, tao nghe nói là

bị xe đụng thì để coi Công an làm sao, chứ tao đâu có biết”. Khi bà gặp ông M thì ông M không có nói lý do vì sao ông M cho rằng ông D bị giết.

Từ lời khai của bà Lê Thị A và bà Nguyễn Thị Cẩm U có thể khẳng định cả bà A và bà U đều không biết nguyên nhân vì sao ông D tử vong vì hai bà không chứng kiến lúc ông D tử vong và cũng không có ai nói cho hai bà biết là có người giết ông D. Vì vậy lời trình bày của ông M cho rằng cha ông bị người khác giết là không có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn E, ông Nguyễn Văn M cho rằng bị cáo giết chết ông Nguyễn Văn D nhưng không đưa ra được căn cứ, chứng cứ chứng minh ông D là do bị cáo giết chết và cũng thừa nhận là trước khi tử vong thì ông Nguyễn Văn D không có mâu thuẫn với bất cứ ai nên không có động cơ, mục đích gì mà người khác lại giết ông Nguyễn Văn D; các ông cũng thừa nhận là không biết ai đã giết chết ông Nguyễn Văn D. Vì vậy lời trình bày của các ông về việc ông Nguyễn Văn D bị giết là không phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra nên không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn Bé S thừa nhận khoản 00 giờ ngày 16/10/2018 bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59V2 – 411.36 có sử dụng rượu chạy loạn choạng trên đường theo hướng xã G về xã N nhìn thấy một người đang nằm ngửa trên đường khoảng cách 3 đến 4 mét không tránh kịp nên phần lóc máy và bánh sau xe va chạm vào vùng đầu người đàn ông này rồi điều khiển xe về nhà sau đó người bị cáo va chạm dẫn đến tử vong là ông D và thừa nhận bản án sơ thẩm quy kết tội bị cáo là đúng với phạm tội của bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản kiểm tra phương tiện, biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản dựng lại hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định pháp y của các cơ quan.

Do đó đã có đủ cơ sở để kết luận: bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Nguyễn Văn Bé S phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội danh, đúng pháp luật. Đó đó yêu cầu kháng cáo của ông T, ông B, ông M, ông E cho rằng ông D chết là do bị cáo Nguyễn Văn Bé S giết, thương tích ông D không phù hợp vụ tai nạn giao thông và có cung cấp các tấm ảnh liên quan đến thương tích của ông D là chưa đủ căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự tiền tổn thất tinh thần là 100.000.000 đồng, tiền chi phí mai táng là 25.000.000 đồng, tiền đãi khách ăn uống lúc tổ chức đám tang bị hại là 175.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng người cháu nội của bị hại tên Nguyễn Thị Kiều H mỗi tháng 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: những người đại diện hợp pháp của ông D có quyền yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bị cáo Nguyễn Văn Bé

S bồi thường thiệt hại trong vụ án này nhưng người có yêu cầu phải có tài liệu, giấy tờ, chứng cứ để chứng minh thiệt hại. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm chỉ có ông Nguyễn Văn E có yêu cầu bồi thường nhưng chưa cung cấp đầy đủ tài liệu giấy tờ có liên quan để chứng minh thiệt hại để đảm bảo quyền lợi cho những người đại diện hợp pháp của bị hại nên cấp sơ thẩm không giải quyết trong cùng vụ án mà tách ra dành quyền khởi kiện một vụ án độc lập khác khi có căn cứ, do cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo để xem xét tại cấp phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhận thấy cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ như thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tự thú, khắc phục hậu quả, bị hại cũng có lỗi theo điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đánh giá đúng và đầy đủ mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả và yếu tố lỗi của bị cáo và bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo cũng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với khách quan của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều đúng với quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[7] *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Văn Bé S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Bé S và yêu cầu kháng cáo của người đại diện cho bị hại ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn E.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2022/HSST, ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Bé S phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bé S 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn E ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn E được quyền khởi kiện bị cáo Nguyễn Văn Bé S một vụ án dân sự khác để yêu cầu bồi thường thiệt hại khi có yêu cầu.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Bé S phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- CA huyện K;
- CC THADS huyện K;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành

